

KHÔNG GIAN ẢO, CUỘC SỐNG THẬT: ẢNH HƯỞNG CỦA MẠNG XÃ HỘI ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA PHỤ NỮ HÀ NHÌ Ở VÙNG BIÊN GIỚI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC¹

TS. Bùi Thị Bích Lan

Viện Dân tộc học

Email: buibichlan@gmail.com

Tóm tắt: Nghiên cứu này chỉ ra sự thay đổi về tâm lý, lối sống, hành vi và mối quan hệ giữa người phụ nữ Hà Nhì vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc với gia đình, cộng đồng dưới tác động của không gian mạng xã hội. Kết quả nghiên cứu cho thấy, bên cạnh những cơ hội như khẳng định bản thân và giải tỏa áp lực cuộc sống, tăng cường giao lưu văn hóa, duy trì và mở rộng mạng lưới xã hội, phát triển thương mại điện tử, cải thiện sinh kế..., việc tham gia mạng xã hội của phụ nữ vùng biên cũng đặt ra nhiều thách thức, ảnh hưởng nhất định tới vấn đề đạo đức, thuần phong mỹ tục, cũng như sự gắn kết vốn có giữa họ với gia đình, với cộng đồng ngoài đời thực. Trên cơ sở đó cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng chính sách, giải pháp nhằm phát huy tính tích cực, đồng thời giảm thiểu những tác động không mong muốn, nâng cao “sức đề kháng” của mỗi phụ nữ, mỗi gia đình khi bước vào môi trường mạng xã hội, góp phần đảm bảo trật tự xã hội và an ninh quốc phòng vùng biên giới.

Từ khóa: Internet, mạng xã hội, dân tộc Hà Nhì, phụ nữ, vùng biên giới.

Abstract: The study explores the changes in psychology, lifestyle, behaviour, and relationship between Ha Nhi women with their families and communities under the influence of virtual social networks in the Vietnam-China border area. The research results show that – besides opportunities such as self-affirmation and relief of life pressures, the enhancement of cultural exchange, the maintenance and expansion of social networks, the development of e-commerce, and the improvement of livelihoods – the participation of women in border areas in virtual social networks also poses specific challenges and influences on ethics, customs, traditions, and the inherent connection between them and their families and communities. The study provides a scientific basis for the development of policies and solutions to promote positivity, minimise undesirable impacts, and improve the “resistance” of each woman and family when entering the virtual social network environment. Therefore, the article also contributes to ensuring social order, national defence, and security in border areas.

Keywords: Internet, virtual social networks, Ha Nhi ethnic group, women, border areas.

Ngày nhận bài: 27/4/2022; ngày gửi phản biện: 8/5/2022; ngày duyệt đăng: 12/6/2022.

¹ Bài viết là kết quả của đề tài cấp Bộ “Gia đình của người Hà Nhì và người Giáy ở vùng biên giới huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai hiện nay” do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Hoàng Phương Mai làm chủ nhiệm năm 2021-2022.

Mở đầu

Ở vùng dân tộc thiểu số, ngay cả vùng cao biên giới, việc sử dụng Internet và tham gia mạng xã hội đang dần trở thành nhu cầu không thể thiếu của mỗi người dân, nhất là giới trẻ. Trong Nghị định số 72/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/7/2013, Điều 4 “Chính sách phát triển, quản lý Internet và thông tin trên mạng” nêu rõ: “*Chú trọng việc phổ cập dịch vụ Internet ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn*”. Với chủ trương đó, tỷ lệ người dân tộc thiểu số sử dụng Internet ở nước ta ngày càng tăng cao, mang lại cho đồng bào cơ hội tiếp cận thông tin, mở mang dân trí, nâng cao nhận thức. Đến năm 2019, đã có tới 61,3% hộ gia đình dân tộc thiểu số sử dụng Internet (wifi, cáp hoặc 3G, 4G), tăng tới 54,8% so với năm 2015 chỉ có 6,5% (Ủy ban Dân tộc, 2021). Đây cũng là một nền tảng hữu ích giúp thu hẹp khoảng cách phát triển và bất bình đẳng đối với vùng dân tộc thiểu số.

Bên cạnh những lợi ích to lớn như cung cấp, chia sẻ, trao đổi thông tin, kết nối xã hội, hợp tác và giao lưu văn hóa..., mạng xã hội với đặc tính “không biên giới” cũng trở thành môi trường cho các mối đe dọa mới trên tất cả các lĩnh vực đời sống của mỗi quốc gia, tộc người. Ở vùng dân tộc thiểu số, không ít bất cập cũng đang đặt ra, tác động trực tiếp đến mọi mặt đời sống, trong đó có vấn đề về lối sống, đạo đức, hành vi và các mối quan hệ xã hội của con người ngoài đời thực.

Internet xuất hiện ở Việt Nam từ năm 1997. Đến đầu những năm 2000, các nghiên cứu về tác động của Internet tới đời sống xã hội bắt đầu được công bố, song chủ yếu được tiếp cận dưới góc nhìn văn hóa học, xã hội học, tâm lý học..., với đối tượng nghiên cứu đa phần là thanh thiếu niên ở khu vực đồng bằng, các đô thị lớn (Nguyễn Thị Minh Phương và cộng sự, 2002; Nguyễn Thị Phương Châm, 2013; Nguyễn Thị Lan Hương, 2019...). Ở vùng dân tộc thiểu số, Internet và không gian mạng dù xuất hiện muộn hơn, song đến hiện tại những ảnh hưởng của nó tới đời sống xã hội đã khá sâu sắc. Năm 2016, tổ chức ChildFund đã tiến hành nghiên cứu “*Giới trẻ trong không gian trực tuyến*” tại 3 tỉnh Hòa Bình, Bắc Kạn, Cao Bằng với đối tượng nghiên cứu là 200 em thuộc dân tộc Tày, Nùng, Dao, Mường từ 11-18 tuổi. Tiếp đó, năm 2018, nghiên cứu “*Thanh niên trong không gian mạng*” của Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) được thực hiện chủ yếu với nhóm thanh thiếu niên dân tộc thiểu số ở huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Kết quả các nghiên cứu này cho thấy, bên cạnh lợi ích, thanh thiếu niên vùng dân tộc thiểu số do thiếu kỹ năng phân tích và đánh giá nguy cơ nên đã phải đối mặt với không ít rủi ro khi tham gia mạng xã hội (ChildFun, 2018). Cũng trong năm 2018, tại Hội thảo khoa học với chủ đề “*Nhân học số ở Việt Nam: Xu hướng, tiềm năng và triển vọng*”, các tham luận đã góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề mà Hội thảo đặt ra về nhân học số ở Việt Nam, trong đó nhấn mạnh: “Chúng ta đã tiến tới một thời điểm cấp bách của ngành Nhân học, được đánh dấu bằng sự hội nhập kỹ thuật số trong

thế kỷ 21. Chúng ta không thể tiếp tục duy trì các góc nhìn nhân học được đưa ra từ thời kỳ trước... Nhân học số đã hướng đến các khả năng đa dạng khi chúng ta áp dụng các công cụ và phương pháp luận kỹ thuật số nhằm tạo ra các dự án cộng đồng có tính toàn diện, tính tham gia và tăng quyền hơn” (Khoa Nhân học, 2018). Điều này cho thấy yêu cầu cấp thiết về sự quan tâm của Nhân học tới việc sử dụng Internet của các cộng đồng, các nhóm xã hội. Tuy nhiên, điếm qua tình hình nghiên cứu cho thấy, chưa có nhiều công trình tiếp cận dưới góc độ dân tộc học/nhân học về tác động của không gian mạng tới các tộc người thiểu số, nhất là với đối tượng phụ nữ ở khu vực vùng biên giới.

Nghiên cứu này nhằm đánh giá những tác động của mạng xã hội đến tâm lý, lối sống, hành vi và mối quan hệ của người phụ nữ Hà Nhi ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc tại huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai - những người được coi là đối tượng chịu sự phân biệt đối xử từ các chuẩn mực xã hội và bị thiệt thòi trong việc nói lên tiếng nói của mình (Chu Thùy Liên, 2009; Trịnh Thị Lan, 2018). Lấy phương pháp điền dã dân tộc học làm chủ đạo, chúng tôi đã thực hiện các quan sát tham dự, phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm trong hai chuyến khảo sát vào tháng 4/2021 và tháng 4/2022 tại xã Y Tý, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, bài viết có sự kết hợp phương pháp “Điền dã dân tộc học truyền thống” với “Điền dã dân tộc học số”. Sau khi rời khỏi địa bàn khảo sát, tác giả đã trở thành bạn bè trên Zalo, Facebook của hơn 50 người Hà Nhi ở đó (chủ yếu là phụ nữ) nhằm tiếp tục thu thập các tư liệu liên quan thông qua việc theo dõi trang cá nhân và các hoạt động của họ trên mạng xã hội. Phương pháp “điền dã mạng” khi không còn ở địa bàn khảo sát chỉ cho phép tác giả thực hiện trên ứng dụng Zalo, Facebook; còn với Wechat, không dễ có thể tiếp cận bởi muốn tạo tài khoản trên ứng dụng này, người dùng phải nhờ một người khác đang sử dụng Wechat quét mã QR xác nhận.

Trước khi đi vào nội dung chính, bài viết xin được làm rõ một số khái niệm then chốt liên quan đến chủ đề nghiên cứu:

“*Mạng xã hội*” là hệ thống thông tin cung cấp cho cộng đồng người sử dụng mạng các dịch vụ lưu trữ, cung cấp, sử dụng, tìm kiếm, chia sẻ và trao đổi thông tin với nhau, bao gồm dịch vụ tạo trang thông tin điện tử cá nhân, diễn đàn (forum), trò chuyện (chat) trực tuyến, chia sẻ âm thanh, hình ảnh và các hình thức dịch vụ tương tự khác (Chính phủ, 2013). Một số mạng xã hội đang được sử dụng phổ biến ở Việt Nam, gồm: Facebook, Youtube, Zalo, Instagram, ZingMe, Twitter,...

“*Không gian ảo*” hay “*không gian mạng*” (cyberspace) được hiểu là mạng lưới kết nối của cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, là nơi con người thực hiện các hành vi xã hội không bị giới hạn bởi không gian và thời gian (Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2018). Nó tồn tại, tương tác, đan xen và gắn kết mạnh mẽ với thế giới thực của con người.

“*Cộng đồng ảo*” hay “*cộng đồng mạng*” là một mạng lưới xã hội của các cá nhân - nơi họ có thể tương tác, kết nối với nhau trên môi trường trực tuyến, thông qua Internet để theo đuổi lợi ích hay mục tiêu chung. Sự kết nối này có khả năng vượt qua ranh giới về không gian, thời gian, chính trị..., mang lại cho các thành viên cảm giác về một “ngôi nhà chung” (Nguyễn Thị Lan Hương, 2019).

“*An ninh mạng*” là sự đảm bảo hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân (Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2018). Ở Việt Nam, Luật An ninh mạng đã được Quốc hội thông qua và chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019, trong đó quy định cụ thể về hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng cũng như trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

1. Bối cảnh nghiên cứu

Ở Việt Nam, người Hà Nhì phân bố chủ yếu ở huyện Mường Tè (tỉnh Lai Châu), huyện Mường Nhé (tỉnh Điện Biên) và huyện Bát Xát (tỉnh Lào Cai) với các nhóm địa phương gồm Hà Nhì Đen và Hà Nhì Hoa. Nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh Lào Cai, huyện Bát Xát gồm 20 xã và 01 thị trấn với 176 thôn và tổ dân phố, trong đó có 10 xã, thị trấn biên giới giáp Trung Quốc với chiều dài đường biên giới là 83,894 km, 02 cửa khẩu phụ là Bản Vược và Y Tý. Dân số toàn huyện có 78.242 người, gồm 25 dân tộc sinh sống, trong đó 05 dân tộc có dân số lớn là: Hmông với 33% dân số toàn huyện, Dao - 28%, Kinh - 15,3%, Giáy - 16,3%, Hà Nhì - 6% (Ủy ban nhân dân huyện Bát Xát, 2021).

Là một xã vùng cao biên giới đặc biệt khó khăn của huyện Bát Xát, Y Tý có cửa khẩu thông thương và đường biên giới dài 11,65 km tiếp giáp với huyện Kim Bình, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Năm 2021, xã có 945 hộ, 5.195 nhân khẩu, trong đó có 217 hộ nghèo (23,1%), 104 hộ cận nghèo (11,1%). Các dân tộc trên địa bàn xã chủ yếu là Hà Nhì, Dao, Hmông, Kinh, cư trú ở 12 thôn bản. Đây là xã có địa bàn rộng, thời tiết, khí hậu nhiều diễn biến phức tạp như sương mù, giá rét..., và nguy cơ lũ quét, sạt lở đất luôn thường trực (Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Y Tý, 2021). Địa bàn tiếp giáp với xã Y Tý ở bên kia biên giới cũng là nơi cư trú lâu đời của các tộc người như Hà Nhì, Hmông, Dao, Di, Hán thuộc xã Ma Ngán Tý, phía đông của huyện Kim Bình, trong đó nhóm Hà Nhì Lô Mê chiếm đa số. Từ nhiều năm nay, chợ xã Ma Ngán Tý đã là nơi giao lưu, gặp gỡ, trao đổi hàng hóa của cư dân Hà Nhì ở hai bên biên giới.

Nghiên cứu này được thực hiện tại 2 thôn của xã Y Tý là Choản Thèn và Lao Chải. Năm 2021, theo báo cáo của chính quyền địa phương, thôn Choản Thèn có 60 hộ, 323 nhân khẩu, trong đó 96,8% là người Hà Nhì với tỷ lệ hộ nghèo là 8,47%. Trong số 144 hộ, 785 nhân khẩu của thôn Lao Chải, người Hà Nhì cũng chiếm đa số với 98,5% và tỷ lệ hộ nghèo là 19,4%. Các tộc người cư trú xen cài trong 2 thôn này là Kinh, Giáy và Thái. Sinh kế chủ yếu của người

dân vẫn là hoạt động sản xuất nông nghiệp với truyền thống khai khẩn ruộng bậc thang, đào mương đắp đập lấy nước, dùng trâu bò cày kéo và làm vườn cạnh nhà. Ngoài lúa và hoa màu, các loại cây hàng hóa như xuyên khung, thảo quả, đương quy, sâm đất... đem lại thu nhập đáng kể cho người dân. Trước khi đại dịch Covid-19 xảy ra, cửa khẩu biên giới còn thông thương, các hoạt động như làm thuê, buôn bán qua biên giới đã khá phổ biến, thu hút nhiều lao động và là sinh kế quan trọng của không ít hộ gia đình. Là một trong 2 điểm du lịch cộng đồng của xã Y Tý, thôn Choản Thèn đang được chính quyền các cấp quan tâm đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng và một bộ phận người dân đã bước đầu có nguồn thu nhập ổn định từ hoạt động phục vụ du lịch.

Từ đầu những năm 2000 đến nay, hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Lào Cai từng bước được đầu tư và nâng cấp. Vùng phủ sóng thông tin di động, hạ tầng Internet dần được mở rộng, hướng đến vùng cao, biên giới. Chất lượng dịch vụ được cải thiện theo hướng công nghệ hiện đại, đa dạng, đáp ứng tốt nhu cầu của người sử dụng. Internet hiện đã đến được với 100% các trường học, bệnh viện; 60% thôn, tổ dân phố. Trên địa bàn toàn tỉnh đang có trên 2.700 trạm thu phát sóng thông tin di động 3G, 4G, phủ sóng đến 95% thôn bản. Tỉnh cũng đang chú trọng đầu tư mạng lõi, các công nghệ mới như 4G, 5G, Internet cáp quang đến từng hộ gia đình. Việc hệ thống thông tin liên lạc, mạng Internet tốc độ cao đến với tất cả các khu vực của tỉnh, đặc biệt là ở các thôn, bản vùng cao đã tạo ra bước chuyển mạnh mẽ trong việc hưởng thụ văn hóa, tiếp thu khoa học kỹ thuật, góp phần quan trọng vào việc thay đổi nhận thức, phương thức phát triển kinh tế - xã hội của người dân (Vinh Quang và cộng sự, 2020). Tại huyện Bát Xát, các mạng di động đã được phủ sóng tới 21 xã, thị trấn, trong đó có các thôn bản ở xã Y Tý. Ngoài một số gia đình lắp đặt wifi, đa số người dân sử dụng mạng 4G của Vinaphone, Viettel. Sự xuất hiện của Internet, điện thoại thông minh đã phục vụ tốt cho nhu cầu kết nối, trao đổi thông tin của người dân và làm thay đổi đáng kể nếp sống sinh hoạt của người dân trên địa bàn.

Đối tượng chính của nghiên cứu là nữ giới ở hai thôn Choản Thèn và Lao Chải, đang ở độ tuổi lao động (khoảng 15 - 50 tuổi), sinh sống tại địa phương, có sử dụng smartphone và tham gia mạng xã hội. Mặc dù chưa có thống kê cụ thể nhưng theo chính quyền thôn cũng như quan sát tại thực địa, gần như 100% nữ giới ở độ tuổi 15-35 và khoảng trên 80% nữ giới ở độ tuổi 36-50 có điện thoại thông minh và tham gia ít nhất một ứng dụng mạng xã hội. Nếu như nữ giới ở độ tuổi từ 15-35 có thể tham gia cùng lúc nhiều mạng xã hội khác nhau như Facebook, Youtube, Zalo, Wechat..., thì với nhóm trên 36 tuổi trở lên, Wechat là ứng dụng được họ ưa thích và chiếm ưu thế hơn hẳn. Lý do là nữ giới Hà Nhì ở độ tuổi dưới 36 có trình độ học vấn cao hơn, thông thạo tiếng phổ thông hơn nên mới có thể giao tiếp, tương tác trên các mạng xã hội khác nhau; còn nhóm nữ giới từ 36 tuổi trở lên thường gặp phải rào cản về ngôn ngữ, không biết đọc, biết viết, không giao tiếp được bằng tiếng phổ thông nên đa phần chỉ sử dụng được mạng Wechat - nơi mà người tham gia hầu hết là dân tộc Hà Nhì ở hai bên biên giới. Các thành viên tham gia ứng dụng này mặc dù ở hai quốc gia nhưng do là

người đồng tộc, có cùng ngôn ngữ và văn hóa nên họ có thể dễ dàng kết bạn, cùng nhau chia sẻ, thưởng thức các tác phẩm nghệ thuật truyền thống của tộc người mình, hoặc gọi video, gọi thoại cho nhau nhằm phục vụ nhu cầu trao đổi công việc, tình cảm bằng ngôn ngữ mẹ đẻ.

2. Bước vào không gian ảo và những thay đổi trong cuộc sống của phụ nữ vùng biên

Phụ nữ Hà Nhì ở điểm nghiên cứu sử dụng mạng xã hội như Facebook, Youtube, Wechat, Zalo... với mục đích giải trí, giao tiếp, kinh doanh, cập nhật thông tin của bản thân, gia đình, bạn bè,... Khi ở địa bàn khảo sát, hình ảnh chúng tôi dễ bắt gặp nhất là nhiều phụ nữ lướt Facebook và xem video trên Youtube. Tần suất sử dụng mạng xã hội của người dân cũng như phụ nữ ở đây có xu hướng ngày càng gia tăng bởi với chiếc smartphone nhỏ gọn, họ có thể truy cập dễ dàng, mọi lúc, mọi nơi, không chỉ khi đang làm việc nhà, đi con, trước lúc đi ngủ, mà cả khi giải lao trên nương rẫy, ngoài đồng ruộng,... *“Trẻ con hay người lớn, đàn ông hay phụ nữ, ai cũng thích xem điện thoại cả, lúc nào cũng có thể mở ra xem được. Nghe nhạc, xem phim, lướt Facebook, Zalo để giải trí, rồi xem bạn bè, người thân có gì mới không”* (PVS nữ, 29 tuổi, thôn Choản Thèn). Vậy khi bước vào không gian ảo, trở thành thành viên của các mạng xã hội, cái “được”, “mất” của những người phụ nữ Hà Nhì ở hai điểm nghiên cứu nơi đây là gì?

2.1. Tăng cường giao lưu văn hóa, mở rộng vốn xã hội và phát triển thương mại điện tử

Tham gia Facebook, chị em người Hà Nhì ở địa bàn nghiên cứu có “Danh sách bạn” khoảng vài trăm người, chủ yếu là gia đình, họ hàng, bạn bè, người cùng thôn, cùng xã, cùng dân tộc, cùng sở thích,... Không ít bạn trẻ có số lượng bạn bè trên 1.000 người, tạo nên một mạng lưới kết nối rộng khắp ở nhiều tỉnh thành trên cả nước, trong đó có nhiều người lạ mặt, chưa từng gặp ngoài đời thực. Tham gia mạng xã hội, họ có được nhiều người bạn mới, không phân biệt thành phần tộc người, nghề nghiệp, địa vị, trình độ, tuổi tác. Những hình ảnh, câu chuyện, trạng thái được họ đăng tải trên mạng xã hội nhiều nhất vẫn là ảnh chụp cá nhân, các dịp lễ tết, những chuyến đi chơi xa nhà, hay có khi chỉ là những khoảnh khắc trong sinh hoạt thường nhật. Hình ảnh, văn hóa, nếp sống của người Hà Nhì, của vùng đất Y Tý qua đó cũng có cơ hội được giới thiệu, quảng bá đến nhiều bạn bè trên khắp cả nước. Ngược lại, việc trở thành bạn bè của nhiều người dân tộc khác, vùng miền khác trên không gian mạng cũng đem lại cho họ cơ hội giải trí, giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, mở mang tri thức về nhiều lĩnh vực trong cuộc sống, từ văn hóa ứng xử cho đến nghệ thuật, thời trang, chăm sóc sức khỏe, cách thức làm ăn, phát triển kinh tế gia đình..., từ đó tác động nhất định đến việc hình thành nhân cách và lối sống của mỗi người.

Những giao tiếp trên không gian ảo đã góp phần mở rộng vốn xã hội của mỗi cá nhân, khi một mặt giúp cho việc củng cố, thắt chặt hơn mối quan hệ sẵn có ngoài đời thực, mặt khác góp phần hình thành nên những mạng lưới quan hệ mới. Nhiều phụ nữ Hà Nhì hiện

đang tham gia các nhóm trên Zalo, giúp họ và các thành viên nhóm xích lại gần nhau hơn, phần nào xóa bỏ những rào cản về khoảng cách địa lý, thuận tiện trong việc kết nối, học hỏi, trao đổi thông tin hay nhận sự hỗ trợ từ nhóm. Để theo dõi việc học tập của con cái, đa phần phụ nữ có con đang độ tuổi đi học đều tham gia nhóm Zalo của phụ huynh học sinh. Một số chị em tham gia các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội thường là thành viên của các nhóm như Đội văn nghệ Hà Nhì, Liên hiệp hội phụ nữ xã, Đoàn Thanh niên xã,... Một số ít nữ giới năng động, nhanh nhạy trong làm ăn kinh tế còn tham gia các nhóm tổ hội nghề nghiệp, nhằm chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm sản xuất như Hội nuôi dê, Hội trồng cây trái vụ, Hội trồng rau Lào Cai, Hội dược liệu Việt Nam,... Khi có công việc của thôn, của nhóm, của hội cần thông tin, tuyên truyền tới các thành viên, những người có trách nhiệm sẽ thông báo trên nhóm để mọi người cùng cập nhật, thảo luận và đi đến thống nhất, tiết kiệm đáng kể thời gian và công sức đi lại, nhất là trong bối cảnh của đại dịch Covid-19. Những người trong thôn, trong xã cùng đi làm thuê ở bên kia biên giới cũng có các nhóm Zalo riêng, giúp họ thuận tiện cho việc chia sẻ thông tin việc làm và hỗ trợ nhau khi cần thiết.

Mạng xã hội còn là phương tiện để phụ nữ Hà Nhì quảng bá văn hóa, tiếp thị sản phẩm du lịch, mua sắm và bán hàng. Gần đây, xã Y Tý là một điểm du lịch được du khách gần xa biết đến như một Sa Pa thứ hai ở Lào Cai. Để bắt kịp xu hướng, một nhóm phụ nữ là những thành viên thuộc Tổ quản lý Nhà du lịch cộng đồng thôn Choản Thèn đã đăng tải nhiều hình ảnh, bài viết trên mạng xã hội như Facebook, Zalo, Youtube... để giới thiệu, trao đổi với du khách về dịch vụ homestay, về những tài nguyên du lịch tự nhiên, du lịch nhân văn đặc sắc của điểm đến hoặc các chương trình ưu đãi, kích cầu du lịch. Trên trang Fanpage “Văn phòng du lịch Y Tý” hay “Y Tý đại ngàn”, những hình ảnh về Y Tý mùa lúa chín, mùa săn mây, công viên Choản Thèn, ngôi làng cổ với những nếp nhà trình tường hàng trăm năm tuổi ẩn hiện dưới làn mây trắng... thường xuyên được chị em trong Tổ quản lý chia sẻ nhằm mục đích quảng bá, tiếp thị sản phẩm du lịch và nhận được hàng chục ngàn lượt theo dõi, tương tác. Mạng xã hội cũng đang trở thành một kênh mua sắm, bán hàng tiện lợi, hữu ích của phụ nữ, giúp họ đặt mua các loại hàng hóa từ mọi vùng miền; tiếp thị, quảng cáo dịch vụ tư vấn bảo hiểm, nha khoa, làm đẹp, các mặt hàng thực phẩm, đồ gia dụng; tiêu thụ nông lâm sản (lạc, đậu đỗ, nấm hương...) một cách dễ dàng vì thông tin nhanh đến được với những người có nhu cầu, tiết kiệm đáng kể thời gian và chi phí.

2.2. Cơ hội khẳng định bản thân và giải tỏa áp lực từ cuộc sống gia đình

Trong xã hội người Hà Nhì hiện nay, tư tưởng trọng nam cũng như tình trạng bất bình đẳng giới chưa có nhiều cải thiện, dù trong thời gian qua chính quyền và các tổ chức đã nỗ lực can thiệp. Kết quả khảo sát cho thấy, ở nhiều gia đình, tính chất phụ quyền còn khá đậm nét, người đàn ông được xem là trụ cột và có quyền quyết định các công việc lớn nhỏ, dù có sự bàn bạc, trao đổi với phụ nữ. Trong phân công lao động theo giới, đàn ông chỉ tham gia các công việc được xem là nặng nhọc như xây sửa nhà cửa, phát nương, cày bừa,... Tuy

nhiên, những công việc này không phải thường xuyên nên quỹ thời gian rảnh rỗi của họ là rất lớn. Trong khi đó, phụ nữ phải đảm đương tất cả các công đoạn còn lại của hoạt động trồng trọt, thêm cả chăn nuôi, lấy củi, nội trợ, chăm sóc con cái và cha mẹ già,... Phân công lao động theo giới đã dồn gánh nặng lên vai người phụ nữ, khiến họ gần như không có thời gian nghỉ ngơi, chăm sóc bản thân, giao lưu ngoài xã hội.

Những ngày thực hiện chuyến khảo sát, chúng tôi không khó để chứng kiến hình ảnh phụ nữ và trẻ em gái với vóc dáng nhỏ bé, khuôn mặt luôn già trước tuổi đang làm lũi một mình đi rừng, đi nương. Khi trở về, là những chiếc gùi ngô, gùi củi cao vượt đầu người đè nặng trên lưng, họ bước đi một cách nặng nhọc và cam chịu: “Ở đây ai cũng thế thôi, làm nhiều quen rồi. Chồng không làm, mình cũng không làm thì con cái không có gì ăn đâu” (PVS, nữ, 37 tuổi, thôn Choán Thèn). Dạo quanh ngôi làng, chúng tôi cũng dễ dàng bắt gặp hình ảnh những người đàn ông đang độ tuổi lao động chỉ loanh quanh ở nhà, trông con, tán gẫu với hàng xóm hoặc tụ tập uống rượu, giải khuây. Theo một cán bộ của Hội liên hiệp phụ nữ xã Y Tý thì bạo lực gia đình ở người Hà Nhi là chuyện không hiếm gặp, bởi trong khi phụ nữ luôn ở tình trạng quá tải công việc thì nhiều người chồng lại vô tâm, ít chia sẻ, hay kiếm chuyện, gây cho họ những tổn thương cả về mặt thể chất và tinh thần (PVS, nữ, 32 tuổi).

Không chỉ vất vả, cực nhọc trong lao động sản xuất và làm việc nhà, phụ nữ Hà Nhi còn chịu sự phân biệt, đối xử trong các sinh hoạt gia đình. Phong tục con dâu không được ngồi ăn chung mâm với những người đàn ông vai trên của chồng, nếu ăn chung mâm thì không được ngồi ghế, mà phải ngồi xôm hoặc ăn cơm đứng; hay khi muốn đưa một vật gì đó cho con dâu, chị em dâu thì người cha, người anh em trai của chồng không đưa trực tiếp mà phải để một nơi nào đó, rồi phụ nữ mới được phép cầm (Chu Thùy Liên, 2009) vẫn còn duy trì ở không ít gia đình. Theo chính quyền địa phương, cho đến nay sau rất nhiều cuộc vận động, tuyên truyền về bình đẳng giới, nhiều hủ tục thể hiện sự phân biệt vị thế giữa nam và nữ, giữa vợ và chồng, giữa bố mẹ chồng, anh em chồng với con dâu, chị em dâu... đã được cải thiện nhưng chưa đáng kể. Đáng lưu ý là trong số lý do dẫn đến các trường hợp phụ nữ rời bỏ địa phương sang sinh sống ở bên kia biên giới, mâu thuẫn trong quan hệ của nàng dâu với gia đình nhà chồng là một nguyên nhân không hiếm gặp.

Trong các sinh hoạt của dòng họ và cộng đồng, vai trò, vị thế của phụ nữ cũng bị xem nhẹ. Khi làng bản tổ chức các nghi lễ trọng đại (lễ cúng bản, lễ cầu mùa...), mỗi gia đình được cử một nam giới tham gia. Gia đình nào không thu xếp được thì phải nhờ một nam giới khác là người trong họ hoặc chịu nộp phạt. Phụ nữ không được phép đi thay mặc dù đồ lễ của mỗi gia đình mang đến góp đều do phụ nữ chuẩn bị. Chỉ nam giới mới được đưa ra ý kiến và quyết định những công việc chung của cộng đồng. Bên cạnh đó, cũng như nhiều tộc người thiểu số khác, xã hội Hà Nhi còn luôn coi trọng tính tập thể, đặt lợi ích cộng đồng lên trên hết. Mỗi thành viên cộng đồng, nhất là phụ nữ ít có cơ hội được thể hiện và chia sẻ trước tập thể những mong muốn, nguyện vọng, ý kiến cá nhân. Họ phải hướng đến những

nền tảng của giá trị chung, quy phạm chung, trong đó giá trị của trật tự và thứ bậc luôn được xem trọng. Những tác động của khuôn mẫu giới, định kiến giới đã khiến phụ nữ luôn sống trong sự nhẫn nhịn, khép mình và ngại va chạm.

Trong bối cảnh đó, sự xuất hiện và thâm nhập nhanh chóng của không gian mạng đã tác động mạnh mẽ tới tâm lý, lối sống của phụ nữ Hà Nội. Bởi ngược lại với những gì đang diễn ra trong đời sống thực tại, không gian ảo được hình thành trên cơ sở bình đẳng, tự nguyện, đề cao tính cá nhân, cho phép mỗi cá nhân được tôn trọng và thể hiện những chính kiến của mình về bản thân hoặc về những nguồn thông tin mà họ tiếp nhận được. Bước vào không gian đó, phụ nữ Hà Nội được tự do bộc lộ cá tính, sở thích cũng như bày tỏ mong muốn, cảm xúc thật của bản thân. Khi vui sướng, hạnh phúc hay lúc buồn bã, chán nản, họ đều đăng status (trạng thái) để tìm kiếm sự yêu mến, tán dương, ca ngợi hoặc những lời an ủi, động viên, khuyên nhủ từ cộng đồng mạng. Bên cạnh việc chia sẻ những bức hình cá nhân đẹp, một buổi đi chơi vui vẻ, một điểm check-in độc đáo, một số người cũng không ngần ngại đăng tải hình ảnh đang cô độc khi đi rừng hay trên nương rẫy, kèm theo những dòng chia sẻ đầy tâm trạng về thân phận của người phụ nữ: *“Làm vợ thật khó”, “Dù mờ mờ có rơi nghìn giọt cũng chẳng ai thương”* (nick “Pha De”); *“Ước gì mình là đàn ông, một mình với cuộc sống hiện tại”, “Một mình thực sự, ngày nào cũng phải đi làm một mình”* (nick “Sần Phe”); *“Nợ bản thân một cuộc sống tử tế”* (nick “Lu San”) (Tên nick - tài khoản Facebook của các đối tượng nghiên cứu trong bài viết này đã được thay đổi);... Những cảm nhận, góc nhìn của họ về cuộc sống sau hôn nhân, về nỗi vất vả, cực nhọc trong vai trò làm dâu, làm vợ, làm mẹ vốn rất khó để chia sẻ với người thân và cộng đồng ngoài đời thực, thì nay họ được giải tỏa trong không gian trực tuyến. Họ đã dám khẳng định “cái tôi”, tự “cởi trói” mình để vượt ra khỏi những trật tự, chuẩn mực truyền thống, vốn chỉ đề cao tính cộng đồng và vai trò của người đàn ông. Không chỉ bộc lộ tâm trạng tiêu cực, nhiều thông điệp mà họ gửi gắm trên mạng xã hội còn có ý trách móc, “nổi loạn”: *“Ngày xưa cứ nghĩ lấy chồng là để có người bao bọc, chở che. Nhưng lấy rồi mới biết, lấy chồng là để ta học cách tự lập và học cách gánh vác mọi thứ”* (nick “Ly Gu”); *“Người ta bảo rằng, sống một mình thì rất cô đơn; Còn tôi thì không nghĩ vậy. Ở cạnh những người không hiểu mình mới là cô độc nhất trên đời”* (nick “Phà Lò Chụ”); *“Khi một người phụ nữ chỉ còn biết im lặng và gượng cười chấp nhận những thứ đang bày ra trước mắt, thì có nghĩa là cô ấy đã không còn có thể tổn thương được nữa rồi”* (nick “Sần Bớ”);... Ở trong hoàn cảnh ấy, họ đã tìm cách tự động viên, an ủi mình phải mạnh mẽ hơn để có thể vượt qua những áp lực của cuộc sống gia đình: *“Em tự cầm ô, che lấy cuộc đời mình”* (nick “Be Thó”); *“Hãy yêu mình hơn khi cảm thấy cô đơn”* (nick “Ca Mơ San”), *“Không dám chạy trốn vì phía trước còn tương lai, không dám gục ngã vì phía sau còn gia đình”* (nick “Phà Zỡ”);... Sau mỗi lần chia sẻ, sự ủng hộ, cảm thông từ cộng đồng mạng dù mang tính “ảo” song lại giúp họ được giải tỏa, nhất là khi họ nhận được nhiều “like”, “comment”, nhiều lượt tương tác. Theo dõi các trang cá nhân, người xem cảm nhận được những hình ảnh đối lập trong mỗi người phụ nữ Hà Nội. Nếu như sự khép kín, lệ

thuộc và cam chịu vốn là những đặc tính điển hình của phụ nữ ở ngoài đời thực thì trên không gian trực tuyến, họ trở thành những con người hoàn toàn khác, độc lập, tự tin và mạnh mẽ. Họ có cơ hội bộc lộ cảm xúc thật, con người thật của mình mà không chịu sự phán xét của gia đình, cộng đồng ngoài đời thực, không phải chịu sức ép từ các chuẩn mực, các giá trị xã hội mà cộng đồng tộc người tạo ra.

2.3. Kết nối xuyên biên giới và “sức đề kháng” của phụ nữ vùng biên

Wechat là một ứng dụng mạng xã hội với 1,2 tỷ người dùng trên khắp thế giới, trong đó người Trung Quốc chiếm đa phần. Ngoài trò chuyện, Wechat còn có nhiều tính năng khác như cung cấp tin tức, thanh toán, trao đổi tiền tệ, mua sắm trực tuyến,... Đặc biệt, khác với các mạng xã hội còn lại, ứng dụng này không chỉ cho phép gọi video, gọi thoại với một người bạn mà còn với cả một nhóm bạn bè. Đây được xem như một loại “vũ khí” tối ưu của Chính phủ Trung Quốc nhằm kiểm soát xã hội, bao gồm cả người dân Trung Quốc lẫn người nước ngoài trên không gian mạng.

Trước đây, người Việt Nam sử dụng Wechat phải mua sim Trung Quốc mới có thể đăng ký, nhưng hiện tại đã dễ dàng hơn, các loại sim mà người dân đang sử dụng đều có thể cài đặt được. Đa phần những phụ nữ đã từng đi làm thuê hoặc buôn bán ở bên kia biên giới đều sử dụng thông thạo ứng dụng này, kể cả nhóm trung niên. Khi làm thuê thường xuyên bên Trung Quốc với công việc như phát nương, trồng chuối, phục vụ quán ăn, bồi phòng..., Wechat sẽ giúp họ trở thành thành viên của các group chat, bao gồm chủ thuê lao động và người cùng chỗ làm, qua đó dễ dàng cập nhật thông tin, tiếp nhận các yêu cầu từ người chủ và phối hợp với thành viên khác. Một số ít phụ nữ ở thôn Lao Chải nhanh nhạy, năng động còn đứng ra mua thu nông sản của người dân trên địa bàn để xuất khẩu sang Trung Quốc với số lượng lớn. Việc thương thảo, giao dịch giữa họ với đầu mối thu mua ở bên kia biên giới chủ yếu được tiến hành thông qua mạng Wechat, ít khi gặp mặt trực tiếp do sự cách trở về địa lý và thủ tục đi lại.

Ứng dụng Wechat cũng giúp phụ nữ duy trì mối quan hệ thân tộc với anh em họ hàng bên kia biên giới khi họ tạo nhóm và cùng nhau trò chuyện, thăm hỏi, mời nhau tham dự những dịp lễ trọng đại hay giới thiệu cho nhau việc làm. Trước khi đóng cửa biên giới, do dịch bệnh Covid-19, nếu thấy có công việc phù hợp, người Hà Nhì bên kia biên giới thường thông báo qua Wechat cho người thân, họ hàng của họ ở phía Việt Nam để kịp thời nắm bắt thông tin và xác nhận công việc với chủ thuê lao động. Mạng xã hội này càng trở nên hữu ích đối với họ khi dịch bệnh Covid-19 xuất hiện và ảnh hưởng đến việc trao đổi hàng hóa, thăm thân qua biên giới. Trước đại dịch, người Hà Nhì ở xã Y Tý thường sang chợ phiên ở xã Ma Ngán Tý để bán một số nông lâm sản như ớt, thảo quả, mộc nhĩ, nấm hương..., và mua về các loại giống lúa, gia cầm, phân bón... để sử dụng hoặc cũng có khi đem bán lại ở chợ xã Y Tý kiếm lời. Nay không đi chợ được thì Wechat là phương tiện để họ liên lạc, hẹn gặp tại một điểm nhất định để cung cấp, vận chuyển hàng hóa cho nhau ở hàng rào biên giới,

thường là vào ban đêm nhằm tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng. Đây cũng là ứng dụng để họ duy trì quan hệ họ hàng trong việc thực hiện các nghi lễ, sinh hoạt tín ngưỡng trong bối cảnh của đại dịch. Trước đây, mỗi khi gia đình có công việc đại sự như cưới xin, tang ma, tảo mộ, người Hà Nhì ở hai bên biên giới thường tìm đến những buổi chợ phiên để mời anh em họ hàng qua tham dự. Còn hai năm vừa qua, do không thể gặp mặt trực tiếp như trước nên qua ứng dụng Wechat, họ thăm hỏi tình hình hoặc nhờ nhau sắm sửa hộ đồ lễ mang ra mộ cúng tổ tiên trong dịp Tết Thanh minh.

Đáng lưu ý là trong “danh sách bạn bè” bên kia biên giới, ngoài một số người họ hàng, thân tộc, bạn làm ăn, chủ thuê lao động, người cùng chỗ làm..., không ít chị em phụ nữ còn kết bạn trên Wechat với những người đàn ông Hà Nhì mà họ chưa hề quen biết ngoài đời thực. Việc cố gắng gần gũi với một vài phụ nữ đã cho phép tác giả tìm hiểu sâu hơn về mối quan hệ của họ với những người đàn ông lạ mặt trong các nhóm chat này. “*Cùng nhau nói chuyện*”, “*Con người cần dựa vào chính mình*”... là nick của một số nhóm mà nhiều chị em tham gia. Để tiếp cận phụ nữ, một số đàn ông bên kia biên giới luôn tìm cách thể hiện mình trên các nhóm trò chuyện bằng những bức ảnh đại diện hào nhoáng (không phải ảnh thật), những lời tán tỉnh, khoe mẽ sự giàu có nhưng lại đang cô đơn và đặt các nick ảo như “*Nhiều tiền*”, “*Mỗi ngày đều vui*”, “*Tâm tốt làm việc gì cũng tốt*”, “*Cứ đi thẳng, mệt anh công em*”,... Gửi tặng những bài hát tình tứ bằng tiếng Hà Nhì hoặc “hồng bao” điện tử² cũng là những hành động thường thấy của nam giới nhằm gây thiện cảm khi giao tiếp với phụ nữ Hà Nhì trong các nhóm chat. Khi “hồng bao” vừa thả, ai nhanh tay ấn nút sẽ nhận được quà tặng với trị giá mỗi lần được khoảng vài đồng đến vài chục đồng Nhân dân tệ, “*có chị nói chuyện ngọt ngào, để nghe còn được mấy anh ga lãng “thả” cho tận 40-50 đồng một lượt*” (PVS, nữ, 31 tuổi, thôn Choán Thèn). Tích dần số “hồng bao” sau mỗi lần nhận được và khi số tiền lên tới hàng trăm đồng Nhân dân tệ, họ sẽ tìm đến những cơ sở dịch vụ đổi tiền, chuyên tiền Việt - Trung (thường là ở xã Bản Vược, huyện Bát Xát) để đổi sang tiền Việt Nam. Ngoài bài hát, “hồng bao” và những “lời có cánh”, nhiều phụ nữ còn bị các đối tượng này gửi cho những hình ảnh, video và lời thoại có nội dung phản cảm, quấy rối tình dục,...

Khi đã tạo được cảm tình và sự tin cậy của một phụ nữ nào đó trong nhóm chat, người đàn ông sẽ gọi thoại riêng để hẹn gặp gỡ, mời đi ăn, đi chơi, mua sắm... rồi dụ dỗ họ rời bỏ gia đình, chồng con, hứa hẹn đem đến một cuộc sống an nhàn, sung sướng nếu nhận lời quan hệ tình cảm và cùng đi đến hôn nhân. Quá lừa nhỡ thì, ly hôn, góa phụ hoặc có người chồng bệnh tật, lười lao động, hay rượu chè, bạo hành... là những đối tượng phụ nữ Hà Nhì mà đàn ông bên kia biên giới thường hướng đến. Trên thực tế, một số phụ nữ đã kết hôn nhưng nệ dạ cả tin, lại đang có cuộc sống gia đình không hạnh phúc đã không thoát khỏi sự cám dỗ

² “Hồng bao” hay còn gọi là “bao lì xì”, là một món quà phổ biến mà người Trung Quốc thường tặng nhau trong những dịp lễ hội lớn như sinh nhật, cưới xin..., nhưng phổ biến nhất vẫn là vào dịp Tết Nguyên đán. Ngày nay, thay vì chiếc “hồng bao” truyền thống, người ta đã sử dụng “hồng bao” điện tử, người tặng sẽ gửi cho người nhận thông qua ứng dụng chuyển tiền của Wechat.

này và dần bước vào mối quan hệ bất chính. Không ít cuộc hẹn hò từ trực tuyến đã diễn ra ở ngoài đời thực với điểm hẹn là ở bên kia biên giới, nơi phụ nữ vẫn thường đi chợ phiên hoặc chỗ làm thuê. Một phụ nữ rụt rè chia sẻ: “*Trước khi có dịch, em cũng được một vài anh hẹn gặp qua Wechat. Em có nhận lời một người trong số đó và hẹn gặp nhau ở chợ phiên, rồi họ cho em đi ăn, toàn món ngon, cho cả đi mua quần áo nữa. Xong rú em ở lại nhưng em không đồng ý vì nghĩ đến con em ở nhà*” (PVS, nữ, 34 tuổi, thôn Choản Thèn).

Ở Trung Quốc, chính sách “một con” không áp dụng với các tộc người thiểu số, nhưng trên địa bàn sinh sống của các tộc người giáp biên với xã Y Tý, chính sách này vẫn tác động gián tiếp, tiêu cực đến cơ hội tìm kiếm bạn đời của rất nhiều nam giới. Việc mất cân bằng giới tính khi sinh đã dẫn đến tình trạng thiếu hụt phụ nữ nghiêm trọng ở các thành thị, thêm vào đó, một bộ phận không nhỏ nữ giới ở đất nước này không có ý định kết hôn bởi những áp lực của xã hội đương đại. Đó là những nguyên nhân khiến nhiều cô gái ở vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số khi rời quê đi học, đi làm ở các thành phố lớn vẫn có thể “đắt giá” và dễ dàng có cơ hội ở lại định cư, lập gia đình, từ đó dẫn đến sự thiếu hụt nữ giới độ tuổi kết hôn tại quê nhà. Phụ nữ Hà Nhi ở xã Y Tý khi đi làm thuê bên kia biên giới vẫn thường được chủ thuê lao động đánh giá là thật thà, chăm chỉ, chịu khó hơn các tộc người khác. Vì thế, nhu cầu tìm kiếm phụ nữ Hà Nhi bên phía Việt Nam để kết hôn là rất lớn, đến mức “*những phụ nữ hạn chế về hình thức, sức khỏe không tốt, đã lớn tuổi hay có gia đình rồi... đều có thể trở thành đối tượng để họ tìm mọi cách lôi kéo*” (PVS, nam, 37 tuổi, cán bộ thôn Lao Chải). Sự hạn chế về hiểu biết xã hội, những áp lực trong cuộc sống mưu sinh, sự thiếu quan tâm, chia sẻ từ người chồng, lại cộng thêm tình trạng thiếu hụt phụ nữ giới ở bên kia biên giới đã khiến một số ít phụ nữ Hà Nhi bị sai lệch về nhận thức và bước vào những mối quan hệ không lành mạnh.

Theo báo cáo của cán bộ tư pháp xã Y Tý, tính đến năm 2020, cả xã có 78 trường hợp phụ nữ rời địa phương đi lấy chồng Trung Quốc, trong đó dân tộc Hmông có 22 người, Hà Nhi - 15 người, Dao - 11 người, ... Số liệu này có thể thấp hơn so với thực tế, bởi có một số trường hợp phụ nữ đã rời khỏi địa phương nhưng chính quyền cũng như gia đình không có thông tin về nơi họ đến nên rất khó để xác minh và thống kê vào danh sách. Kết quả phỏng vấn lãnh đạo thôn Lao Chải cho thấy, cho đến thời điểm tháng 4/2021, số phụ nữ trong thôn đi khỏi địa phương là 09 trường hợp. Trong đó, riêng gia đình ông Phu Zừ Lù (57 tuổi) ở thôn này có tới 04 người (gồm vợ và 03 người con dâu) đã rời gia đình và đang sinh sống ở bên kia biên giới, để lại những người chồng vì buồn chán mà sinh rượu chè, bỏ bê ruộng nương và những đứa trẻ không người chăm sóc. Sau một thời gian lấy chồng bên Trung Quốc, một số phụ nữ đã bỏ trốn, quay trở về địa phương do cuộc sống cơ cực, thiếu thốn tình cảm nơi xứ người, không được hưởng quyền lợi công dân, không được cộng đồng thừa nhận. Có trường hợp kém may mắn hơn khi bị gia đình chồng quản lý chặt chẽ và không có cơ hội trở về. Một vài phụ nữ khác lại rơi vào tình thế “tiến thoái lưỡng nan” khi vừa muốn quay về

đoàn tụ với gia đình ở quê nhà nhưng cũng vừa muốn ở lại nơi đất khách, bởi họ còn tình thương và trách nhiệm với những đứa trẻ mà họ mới sinh ra ở đó.

Chính quyền địa phương đã thừa nhận rằng, trước đại dịch Covid-19, có tình trạng một số phụ nữ Hà Nội đã kết hôn nhưng bị đàn ông bên kia biên giới lôi kéo, dụ dỗ và dẫn đến ngoại tình. Họ chỉ gặp gỡ lén lút, chóng vánh và mức độ của những mối quan hệ ấy chưa đủ để người phụ nữ đi đến quyết định ly hôn hoặc rời bỏ chồng con nhưng nguy cơ phá vỡ hạnh phúc gia đình, an ninh xã hội luôn tiềm ẩn. Trước những hệ lụy trên thực tế, nam giới ở địa bàn nghiên cứu đã có sự cảnh giác, đề phòng đối với người bạn đời của mình: *“Nhiều người giờ không dám cãi nhau với vợ như trước đâu vì sợ nó bỏ đi, có nhà chỉ mâu thuẫn nhỏ thôi nhưng vợ cũng lấy có để bỏ đi đấy”* (PVS, nam 43 tuổi, thôn Lao Chải). Nam giới cũng thường không ủng hộ nếu biết vợ mình tham gia các nhóm trên Wechat: *“Vợ em nó dùng Wechat và có tham gia một số nhóm, sau em biết và không cho dùng nữa. Không ai ở đây muốn cho vợ dùng cả”* (PVS, nam, 34 tuổi, thôn Choán Thèn).

Nam giới và nữ giới ở đây cũng bộc lộ những ý kiến trái chiều khi được hỏi về tác động của đại dịch Covid-19 tới cuộc sống của gia đình họ. Trong khi một người đàn ông chia sẻ: *“Có dịch cũng tốt chứ sao, biên giới đóng cửa nên vợ con mới chịu ở nhà, không đi được nữa”* (PVS, nam 39 tuổi, thôn Lao Chải), thì nhiều phụ nữ lại tỏ ra sốt ruột, trái ngược với suy nghĩ của nam giới: *“Bao giờ mới hết dịch đây, để bọn em còn sang bên kia đi làm, kiếm tiền nuôi con”*. Theo chính quyền địa phương, sau khi xảy ra đại dịch, chỉ có nhóm phụ nữ dưới 30 tuổi mới thường có đủ điều kiện hồ sơ xin việc ở thành phố Lào Cai và các tỉnh thành trong nước; nhóm phụ nữ trên 30 tuổi, do không có bằng cấp, không thông thạo tiếng phổ thông, chỉ biết quay lại với ruộng nương và mong chờ ngày biên giới mở cửa trở lại để tiếp tục đi làm thuê. Theo cán bộ tư pháp xã Y Tý, hai năm người dân không đi làm thuê bên Trung Quốc do đóng cửa biên giới cũng là thời gian mà số lượng chị em phụ nữ chủ động ra trụ sở Ủy ban nhân dân xã để hỏi về các thủ tục ly hôn tăng đột biến. Nguyên nhân chủ yếu là trong thời gian dịch bệnh, kinh tế gia đình khó khăn hơn khi không còn nguồn thu nhập từ công việc làm thuê bên kia biên giới và cũng vì không có việc làm bên ngoài, thời gian tiếp xúc nhiều hơn trước nên các cặp vợ chồng dễ nảy sinh mâu thuẫn, va chạm. Do ảnh hưởng của dịch bệnh, việc đi lại qua biên giới đã bị ngăn cấm nhưng tần suất tham gia các buổi giao lưu, trò chuyện trên ứng dụng Wechat giữa một số phụ nữ Hà Nội ở các điểm nghiên cứu với những người đàn ông bên phía Trung Quốc vẫn tiếp tục được duy trì, vượt qua những cách trở về địa lý, nhằm thỏa mãn nhu cầu giải trí, tình cảm. Đó cũng là cơ sở để khi biên giới mở cửa trở lại, những quan hệ “bạn bè” trong các nhóm chat rất có thể sẽ tiến xa hơn nữa, ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, làm gia tăng các trường hợp phụ nữ rời khỏi địa phương, xuất cảnh trái phép sang bên kia biên giới để được “đổi đời”.

Kết luận và khuyến nghị

Internet và mạng xã hội đã tác động đến tư tưởng, lối sống, hành vi và mối quan hệ giữa phụ nữ Hà Nội với gia đình và cộng đồng theo cả hai chiều hướng: lỏng lẻo và chặt hơn.

Quá trình giao lưu văn hóa, mở rộng kết nối, phát triển thương mại điện tử... trên không gian mạng đã góp phần tăng cường vốn xã hội, cải thiện sinh kế và thay đổi vị thế của phụ nữ ở ngoài đời thực. Trong bối cảnh xã hội mà tính phụ quyền và gia trưởng còn tồn tại đậm nét thì cơ hội được khẳng định bản thân, giải tỏa áp lực trên không gian mạng có ý nghĩa quan trọng về mặt tinh thần đối với người phụ nữ, giúp họ cân bằng hơn trong cuộc sống. Tuy nhiên, đi cùng những cơ hội đó là không ít rủi ro mà họ phải đối mặt. Trong khuôn khổ bài viết này, do hướng đến đối tượng và địa bàn vùng biên giới nên chúng tôi chỉ đi sâu vào những thách thức được đặt ra từ các mối quan hệ “bạn bè” xuyên biên giới. Kết quả cho thấy, trên ứng dụng Wechat, việc bị chia sẻ những nội dung không lành mạnh, dung tục và phản cảm đã góp phần làm ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục, đến đạo đức, lối sống của một bộ phận nữ giới Hà Nội vùng biên. Đáng nói hơn nữa là sự đối lập giữa cuộc sống thực với không gian ảo, giữa những áp lực của cuộc sống gia đình sau hôn nhân với viễn cảnh an nhàn, sung sướng mà những người đàn ông bên kia biên giới tạo ra đã khiến cho một số phụ nữ bị dao động, dẫn đến những cuộc “di trú” tâm hồn, tìm kiếm sự yêu thương và hạnh phúc ảo. “Chìm sâu” vào không gian ấy, họ đã bị cám dỗ, lừa gạt, có những sai lệch về nhận thức, sinh tâm lý so bì, ảo tưởng về cơ hội “đổi đời” ở nơi đất khách. Với việc gia tăng “khoảng cách số”, một số phụ nữ đã giảm đi nhu cầu tương tác trực tiếp, sao nhãng việc vun vén tình cảm gia đình, quên đi mục tiêu tìm kiếm sinh kế lâu dài, ổn định trên chính quê hương mình cũng như làm lỏng lẻo hơn mối quan hệ gắn kết vốn có giữa họ với cộng đồng thực. Đó cũng là tiền đề làm gia tăng các trường hợp phụ nữ rời khỏi địa phương sang lấy chồng bên kia biên giới, ảnh hưởng tiêu cực đến hạnh phúc gia đình, trật tự an toàn xã hội và an ninh quốc phòng vùng biên.

Bài viết dựa trên quan điểm cho rằng, mạng xã hội là “con dao hai lưỡi”, tác động tích cực hay tiêu cực, tạo ra cơ hội hay rủi ro là do ý thức, nhận thức, mục đích của người sử dụng. Vì thế, để tăng cơ hội, giảm nguy cơ, biến công nghệ và Internet trở thành nền tảng hữu ích giúp tăng quyền tiếp cận thông tin, thu hẹp bất bình đẳng đối với phụ nữ Hà Nội vùng biên, tác giả xin đưa ra một vài khuyến nghị sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh tuyên truyền Luật An ninh mạng cho người dân vùng biên giới, giúp họ có kỹ năng phân tích, đánh giá các rủi ro, nguy cơ, nâng cao tinh thần cảnh giác trên không gian trực tuyến. Trên thực tế, chính quyền địa phương đã tổ chức tuyên truyền nhưng hiệu quả chưa cao bởi hình thức là lồng ghép trong các buổi sinh hoạt thôn và đối tượng tham dự đa phần là nam giới (chủ hộ); nội dung tuyên truyền chỉ là nhắc lại văn bản hành chính, thiếu sự liên hệ, cụ thể hóa sao cho phù hợp với bối cảnh thực tiễn của địa phương và người tham dự hầu như không có sự truyền đạt lại các nội dung được tuyên truyền cho các thành viên gia đình. Vì thế, khi được hỏi, đa phần phụ nữ đều trả lời là không biết gì về Luật này.

Thứ hai, khuyến khích tạo “sân chơi” lành mạnh cho chị em phụ nữ trên không gian mạng bằng cách lập các nhóm Zalo, Facebook, dưới dạng các nhóm cùng sở thích như thể thao, văn nghệ, chăn nuôi, nghề thủ công... hoặc các tổ, hội, câu lạc bộ để cùng sinh hoạt,

trao đổi và tuyên truyền về những chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, về những vấn đề liên quan thiết thực đến quyền và lợi ích chính đáng của hội viên như chăm sóc sức khỏe sinh sản, giáo dục con cái, phát triển kinh tế hộ, thực hiện bình đẳng giới, phòng chống tảo hôn và bạo lực gia đình,...

Thứ ba, trước sự gia tăng của các mối quan hệ ảo trên không gian trực tuyến, Hội Liên hiệp phụ nữ xã vùng biên cần thành lập Tổ tuyên truyền để kịp thời “khoanh vùng đối tượng”, nắm bắt tâm tư, tình cảm của những trường hợp phụ nữ có nguy cơ rời khỏi địa phương, hướng về cuộc sống bên kia biên giới. Các thành viên của Tổ cần được hưởng phụ cấp để họ có trách nhiệm với từng đối tượng được giao theo dõi, vận động, tuyên truyền, nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những mối quan hệ xuyên biên giới không tích cực.

Thứ tư, những phụ nữ đã kết hôn tham gia vào mối quan hệ không lành mạnh từ không gian trực tuyến đa phần có đời sống kinh tế khó khăn, thiếu thốn tình cảm gia đình. Vì thế, việc tìm tòi những mô hình phát triển sinh kế mới, đem lại cho phụ nữ và gia đình họ nguồn thu nhập ổn định ngay tại địa phương, không lệ thuộc vào sinh kế xuyên biên giới là việc làm cần thiết. Bên cạnh đó, các cấp, các ngành và chính quyền địa phương cần tiếp tục hành trình thay đổi thân phận, nâng cao vị thế cho phụ nữ Hà Nhì, giúp họ phát triển toàn diện và xây dựng gia đình hạnh phúc.

Tài liệu tham khảo

2. Nguyễn Thị Phương Châm (2013), *Internet: mạng lưới xã hội và sự thể hiện bản sắc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

3. ChildFun (2018), *Giới trẻ trong không gian trực tuyến*, Tài liệu hội thảo khoa học, tổ chức ngày 27/11/2018, Hà Nội.

4. Chính phủ (2013), Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 về “*Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng*”, trên trang: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Nghi-dinh-72-2013-ND-CP-quan-ly-cung-cap-su-dung-dich-vu-Internet-va-thong-tin-tren-mang-201110.aspx> (Truy cập ngày 11/4/2022).

5. Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Y Tý (2021), *Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021, phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2022*.

6. Nguyễn Thị Lan Hương (2019), *Mạng xã hội đối với đời sống của thanh, thiếu niên Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

7. Khoa Nhân học, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội (2018), Hội thảo khoa học: *Nhân học số ở Việt Nam: Xu hướng, tiềm năng và triển vọng*, trên trang <http://nhanhoc.edu.vn/hoi-thao-nhan-hoc-so-o-viet-nam-xu-huong-tiem-nang-va-trien-vong/> (Truy cập ngày 12/3/2022).

8. Trịnh Thị Lan (2018), “Dân tộc Hà Nhì”, trong Vương Xuân Tình (chủ biên): *Các dân tộc ở Việt Nam*, Tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
9. Chu Thùy Liên (2009), *Văn hóa dân gian dân tộc Hà Nhì*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
10. Nguyễn Thị Minh Phương và cộng sự (2002), *Nghiên cứu về việc sử dụng internet trong trẻ em*, Báo cáo tổng hợp đề tài khoa học cấp Cơ sở, Viện Xã hội học.
11. Vinh Quang và cộng sự (2020), *Nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của nhân dân thông qua mạng viễn thông, internet*, trên trang: <http://laocaitv.vn/khoa-hoc-cong-nghe/nang-cao-kha-nang-tiep-can-thong-tin-cua-nhan-dan-thong-qua-mang-vien-thong-internet> (Truy cập ngày 12/1/2022).
12. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), *Luật An ninh mạng*, trên trang: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Luat-an-ninh-mang-2018-351416.aspx> (Truy cập ngày 9/3/2022).
13. Ủy ban Dân tộc (2021), *Bình đẳng giới cho phụ nữ dân tộc thiểu số: Nhiều thành tựu nhưng cũng lắm thách thức*, trên trang: <http://www.cema.gov.vn/tin-tuc/tin-tuc-su-kien/kinh-te-xa-hoi/binh-dang-gioi-cho-phu-nu-dan-toc-thieu-so-nhieu-thanh-tuu-nhung-lam-thach-thuc.htm> (Truy cập ngày 26/3/2022).
14. Ủy ban nhân dân huyện Bát Xát (2021), *Tình hình phát triển phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, văn hóa, du lịch và tình hình phong tục tập quán của đồng bào dân tộc Giáy, Hà Nhì trên địa bàn huyện Bát Xát*, Báo cáo làm việc với Đoàn công tác của Viện Dân tộc học ngày 4/4/2022.
15. Ủy ban nhân dân xã Y Tý (2020), *Thống kê tổng số hộ nghèo người dân tộc thiểu số chia theo thành phần dân tộc* (cập nhật số liệu cấp huyện năm 2020), Tài liệu cung cấp cho Đoàn công tác của Viện Dân tộc học ngày 4/4/2022.